

ĐẶC ĐIỂM CÁC NHÂN TỐ THÀNH TẠO CẢNH QUAN HUYỆN MINH HÓA TỈNH QUẢNG BÌNH

Nguyễn Hoàng Duyệt¹, Đỗ Văn Thanh¹, Phan Hoàng Linh² và Trần Hoàng Khiêm¹

¹ Khoa Địa lý, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

² Khoa Sư phạm, Đại học Cần Thơ

Tóm tắt. Bài báo trình bày đặc điểm các nhân tố thành tạo cảnh quan huyện Minh Hóa tỉnh Quảng Bình. Khu vực nghiên cứu có sự phân hóa sâu sắc như địa chất, địa hình, khí hậu, thổ nhưỡng, thảm thực vật và các hoạt động nhân sinh trên lãnh thổ. Những kết quả nghiên cứu là cơ sở khoa học để tiến hành xây dựng hệ thống phân loại cảnh quan và thành lập bản đồ cảnh quan, đánh giá phục vụ cho các mục đích sử dụng hợp lý tài nguyên, phát triển bền vững kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường tại khu vực nghiên cứu.

Từ khóa: Cảnh quan, nhân tố thành tạo cảnh quan, đa dạng.

1. Mở đầu

Cuối thế kỉ XIX, khoa học cảnh quan (CQ) “manh nha” xuất hiện và phát triển. Ở Liên Xô, nhà bác học V.V Docutsaev đưa ra những quan điểm về tổng thể lãnh thổ tự nhiên và đề xuất học thuyết Đới tự nhiên trong công trình nghiên cứu thổ nhưỡng của mình [1]. L.X. Berg đã phát triển học thuyết Đới tự nhiên lên khái niệm CQ, xem CQ như là một miền, trong đó, đặc điểm của các hợp phần tự nhiên (địa chất, địa hình, đất, khí hậu, thực vật,...) hợp nhất với nhau thành một thể thống nhất và hoàn chỉnh [2]. Ở Pháp, nhà khoa học G. Cabaussel đã đưa ra bảng phân kiểu CQ tỉ lệ 1:100.000 trên tờ Grenoble bằng cách chồng xếp các bản đồ thành phần như bản đồ nham thạch, khí hậu, thủy văn. Ở Mỹ, CQ được xem là sự thống nhất trong mối quan hệ giữa tự nhiên – con người. Cuối những năm của thế kỉ XX, khoa học CQ bắt đầu phát triển ở nước ta với các công trình nghiên cứu nổi bật của các tác giả như: Vũ Tự Lập [3]; Phạm Hoàng Hải [4] [5]; Nguyễn Cao Huân [6],... Ngoài ra, các công trình của các tác giả Phạm Anh Tuấn [7] [8]; Phan Hoàng Linh [9],... vào những năm gần đây góp phần chung cho sự phát triển của đất nước, đặc biệt trong các lĩnh vực nông, lâm nghiệp và du lịch một cách bền vững. Vì vậy cho đến nay, nghiên cứu CQ luôn là một trong những nội dung quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội (KT – XH) của nhiều quốc gia trên thế giới [10].

Minh Hóa là huyện biên giới có điều kiện tự nhiên đa dạng, có nhiều tiềm năng về khí hậu, đất đai, thực vật nhưng việc khai thác các tiềm năng phục vụ phát triển kinh tế (nông, lâm nghiệp và du lịch) vẫn chưa tương xứng với điều kiện sẵn có, thiếu sự động bộ và sự nhất quán. Vì vậy, nghiên cứu đặc điểm các nhân tố thành tạo CQ huyện Minh Hóa tỉnh Quảng Bình là cơ sở để xây dựng hệ thống phân loại CQ và thành lập bản đồ CQ khu vực nghiên cứu. Từ đó, giúp chúng ta nắm rõ một cách hệ thống và có quy luật của các hợp phần tự nhiên, quy luật phân hóa theo không gian, động lực phát triển theo thời gian là cơ sở khoa học để đề xuất định hướng

Ngày nhận bài: 22/6/2020. Ngày sửa bài: 29/7/2020. Ngày nhận đăng: 10/8/2021.

Tác giả liên hệ: Nguyễn Hoàng Duyệt. Địa chỉ e-mail: hoangduyen1997hnue@gmail.com

không gian phát triển các ngành sản xuất (nông nghiệp, lâm nghiệp, du lịch,...) bền vững và sử dụng hợp lý, hiệu quả nhất các nguồn tài nguyên thiên nhiên huyện Minh Hóa.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cơ sở dữ liệu

Các dữ liệu được sử dụng phục vụ nghiên cứu gồm: (i) Các tài liệu mang tính lý luận về đánh giá tổng hợp các điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và KT – XH phục vụ cho phát triển bền vững nông, lâm nghiệp huyện Minh Hóa; (ii) Các số liệu thống kê của huyện Minh Hóa từ năm 2012 đến 2018; (iii) Các bài báo, văn bản, báo cáo KT – XH huyện Minh Hóa từ năm 2012 đến 2018; (iv) Tư liệu bản đồ về địa hình, khí hậu, thủy văn, đất, hiện trạng thảm thực vật,... huyện Minh Hóa tỉnh Quảng Bình.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Phương pháp thu thập, phân tích, xử lý và tổng hợp tài liệu

Đây là phương pháp rất cần thiết và quan trọng trong quá trình nghiên cứu. Nó giúp tiếp cận với những kết quả đã nghiên cứu và cập nhật thêm những vấn đề mới để phục vụ trong quá trình thực hiện. Nguồn tài liệu gồm các bản đồ được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau; các số liệu, dữ liệu thống kê từ chi cục thống kê huyện Minh Hóa, tài liệu điều tra khảo sát thực địa, các bài báo, các văn bản về khu vực nghiên cứu. Sau đó được chuẩn hóa, xử lý, phân tích để đảm bảo tính đồng bộ.

2.2.2. Phương pháp bản đồ và hệ thống thông tin địa lý (GIS)

Các kết quả nghiên cứu được thể hiện chính xác hóa trên bản đồ. Từ đó, giúp chúng ta tìm ra quy luật phát triển và sự phân bố không gian của các đối tượng, hiện tượng thể hiện trên bản đồ. Bài báo sử dụng phần mềm GIS 10.1 và Mapinfo 15.0 để tiến hành biên tập, chỉnh sửa, thể hiện các bản đồ thành phần và các bản đồ chuyên đề của huyện Minh Hóa.

2.2.3. Phương pháp phân tích cảnh quan

Đây là phương pháp được sử dụng trong quá trình phân tích đa dạng cảnh quan huyện Minh Hóa trong việc xây dựng các chỉ tiêu và thực hiện các bước để đánh giá cảnh quan. Trên cơ sở phân tích các yếu tố thành tạo cảnh quan, phân tích cấu trúc, chức năng, động lực cảnh quan là tiền đề để tiến hành đánh giá cảnh quan cho các mục đích phát triển nông, lâm nghiệp. Từ đó định hướng không gian cho việc phát triển nông, lâm nghiệp để sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên và bảo vệ môi trường khu vực nghiên cứu.

2.2.4. Phương pháp khảo sát thực địa

Phương pháp khảo sát thực địa là phương pháp truyền thống có vai trò quan trọng trong quá trình nghiên cứu. Giúp cho chúng ta nắm rõ hơn thông tin về các đặc điểm của các hợp phần tự nhiên (địa chất, địa hình, khí hậu, thủy văn, thổ nhưỡng, sinh vật,...) và kinh tế – xã hội (sự phân bố dân cư, dân tộc, cơ sở hạ tầng, hiện trạng sử dụng đất, hiện trạng phát triển các ngành kinh tế,...) nhằm bổ sung cho các kết quả đã nghiên cứu sơ bộ trong phòng thêm chính xác hơn để đưa ra các định hướng phát triển tối ưu và hợp lý nhất.

2.3. Kết quả nghiên cứu

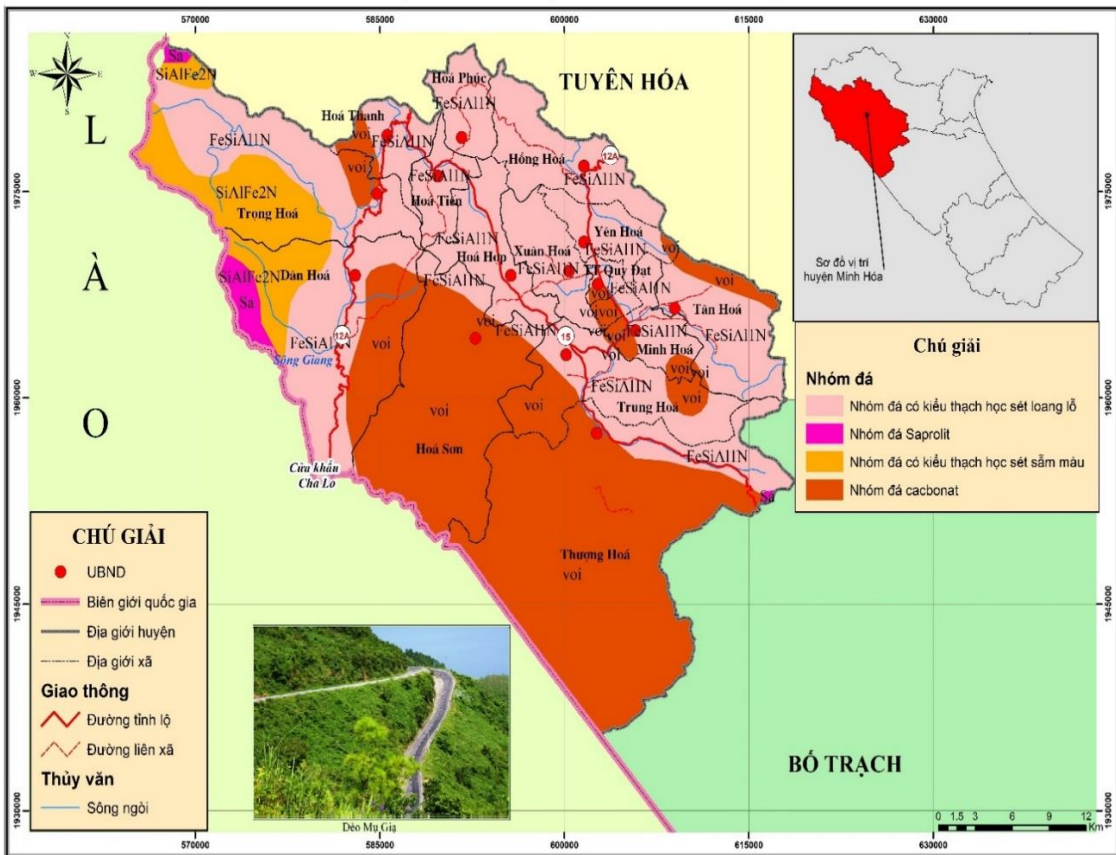
2.3.1. Vị trí địa lý

Minh Hóa là huyện miền núi biên giới nằm ở phía Tây tỉnh Quảng Bình với tổng diện tích 1.413,2 km² [11]. Phía Bắc và phía Đông tiếp giáp huyện Tuyên Hóa; Phía Nam tiếp giáp với huyện Bố Trạch; Phía Tây tiếp giáp nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào. Do nằm ở vị trí này nên điều kiện tự nhiên của khu vực nghiên cứu vừa thể hiện đặc trưng nhiệt đới gió mùa điển hình vừa mang những nét khác biệt có tính địa phương của lãnh thổ nghiên cứu.

Minh Hóa có chung đường biên giới dài 89 km với nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào. Đồng thời, khu vực nghiên cứu có cửa khẩu quốc tế Chalo - Nà Phàu, có các đầu mối và tuyến giao thông quan trọng đi qua như đường Hồ Chí Minh chạy suốt chiều dài của huyện, đường 12A là tuyến đường ngắn nhất nối các tỉnh vùng Đông Bắc Thái Lan qua Lào về quốc lộ 1A, đến cảng biển Hòn La (Quảng Bình), cảng Vũng Áng (Hà Tĩnh). Vì vậy, huyện Minh Hóa trở thành điểm trung chuyển quan trọng trên tuyến thương mại quốc tế Thái Lan – Lào – Việt Nam tạo những điều kiện thuận lợi để phát triển KT – XH của huyện nói riêng, tỉnh Quảng Bình và khu vực nói chung. Tuy nhiên, vị trí địa lý cũng là khó khăn lớn cho huyện Minh Hóa trong định hướng phát triển KT – XH. Việc phát triển KT – XH huyện Minh Hóa không chỉ đơn thuần là phát triển kinh tế vùng miền mà còn mang ý nghĩa chính trị to lớn, có ý nghĩa quan trọng đối với quốc phòng an ninh, bảo vệ văn hóa và môi trường sinh thái.

2.3.2. MẪU CHẤT - NHÂN TỐ THÀNH TẠO NỀN TẢNG RẮN TRONG CẢNH QUAN

Trải qua các giai đoạn kiến tạo, những nền nham chính ảnh hưởng đến sự thành tạo cảnh quan huyện Minh Hóa như: (i) Hệ tầng sông Cả có cấu trúc dưới là các đá phiến sét, phiến silic, cát kết và cuội kết có tuổi O₃ – D₁; (ii) Các trầm tích cát kết, cát bột kết, phiến sét có đôi chỗ xen lẫn đá vôi, sét vôi tuổi Devon phân bố rộng rãi ở phía Tây Minh Hóa; (iii) Đá trầm tích phiến sét, cát bột kết, cát kết có xen lẫn riôlit được phân bố từ trung tâm huyện Minh Hóa về phía Đông; (iv) Các đá granit, phun trào riôlit, trầm tích cát kết, cát bột kết màu đỏ tuổi Creta nằm trong các vùng trũng giữa núi, phân bố ở phía Bắc đèo Mụ Giạ và rải rác ở biên giới phía Tây huyện Minh Hóa. Huyện Minh Hóa có nền địa chất tương đối đa dạng với sự xuất hiện của các nhóm đá Saprolit (Sa), nhóm đá cacbonat, nhóm đá có kiểu thạch học sét loang lổ và sét sẫm màu (Hình 1).



Nguồn: Số Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình

Thu từ tỷ lệ: 1:25.000

Biên tập: Nguyễn Hoàng Duyên_K29

Hình 1. Bản đồ địa chất huyện Minh Hóa tỉnh Quảng Bình

a. *Nhóm đá Saprolit (Sa)*: Nhóm này có diện tích nhỏ chỉ với 1.821 ha, chiếm khoảng 1,3% diện tích tự nhiên (DTTN), phân bố nhiều trên kiểu địa hình núi ở các xã biên giới phía Tây như xã Dân Hóa (1.493,6 ha), xã Trọng Hóa (247,9 ha). Nhóm đá này là sản phẩm phong hoá vụn thô hoặc phong hoá dở dang, gồm chủ yếu là các khoáng vật nguyên sinh của đá gốc, có ít khoáng vật biểu sinh, kế thừa và bảo tồn kiến trúc đá gốc, nhưng nhiều khe nứt, lỗ hổng hơn. Vì vậy, nó là loại đá mềm, giàu chất sét, bị phân hủy hoàn toàn, được hình thành tại chỗ do tác động hóa học lên đá nham thạch hoặc đá biến chất, hình thành trong khí hậu cận nhiệt đới, nhiệt đới ẩm.

b. *Nhóm đá cacbonat*: Trong khu vực nghiên cứu, nhóm đá này có diện tích 59.319,4 ha, chiếm khoảng 41,9% DTTN, phân bố trên các kiểu địa hình đồi và kiểu địa hình núi thấp trên địa bàn các xã Thượng Hóa (30.386,8 ha), Hóa Sơn (16.497,7 ha), Dân Hóa (4.377,4 ha).

c. *Nhóm đá có kiểu thạch học sét loang lỗ (Litoma)*: Nhóm đá này có diện tích lớn nhất với 69.281,5 ha, chiếm 49% DTTN, phân bố trên các kiểu địa hình núi thấp và đồi ở khắp địa bàn khu vực nghiên cứu. Nhóm đá này thuộc kiểu địa hình hóa Ferosialit (FeSiAl) và xuất hiện các kiểu khoáng vật như kaolin, hydromica, goethit.

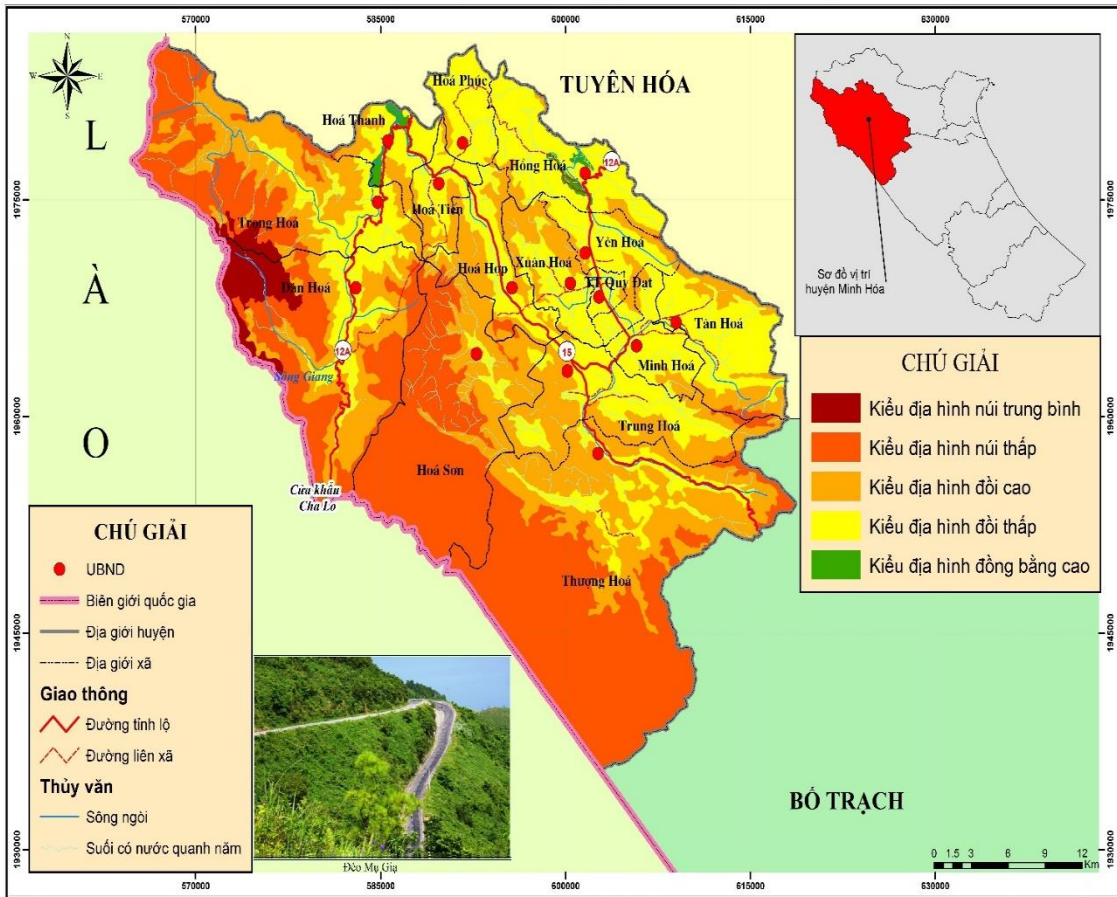
d. *Nhóm đá có kiểu thạch học sét sẫm màu (Dark grey clay)*: Nhóm đá này có diện tích 10.898,1 ha, (chiếm 7,7% DTTN, phân bố trên kiểu địa hình núi ở phía Tây Bắc huyện Minh Hóa. Nhóm đá này thuộc kiểu địa hình hóa Sialit (SiAl) có các kiểu khoáng vật như kaolin – hydromica.

Địa chất là một trong những nhân tố có vai trò quan trọng trong sự hình thành nền móng địa hình và bộ mặt CQ huyện Minh Hóa. Đồng thời là cơ sở để phân chia các lớp và phụ lớp CQ khu vực nghiên cứu gồm: 3 lớp CQ (lớp núi, lớp đồi và lớp đồng bằng) và 5 phụ lớp CQ (phụ lớp núi trung bình, núi thấp, đồi cao, đồi thấp và đồng bằng cao). Các đặc điểm của đá mẹ kết hợp với điều kiện địa hình, khí hậu, sinh vật,... đã hình thành các loại đất khác nhau, từ đó ảnh hưởng đến lớp phủ thực vật của CQ. Ngoài ra, còn ảnh hưởng đến các hiện tượng trượt lở, xói mòn,... đặc biệt là trong mùa mưa kết hợp với điều kiện địa hình chủ yếu là đồi núi có độ dốc lớn của huyện Minh Hóa tỉnh Quảng Bình.

2.3.3. Địa hình - Nhân tố phân bố lại vật chất và năng lượng trong cảnh quan

Cùng với nền địa chất, các kiểu địa hình đã cùng nhau tạo thành “*nền tảng rắn*” của CQ, cơ sở vật chất bền vững quyết định tính chất của các thành phần khí hậu, thủy văn, thổ nhưỡng, sinh vật trong CQ [3]. Căn cứ vào các dấu hiệu bên ngoài (hình thái), trắc lượng hình thái của địa hình, các quá trình nội sinh, ngoại sinh và phân tích đặc điểm của các thành tạo địa chất, khu vực huyện Minh Hóa có 3 nhóm kiểu địa hình đặc trưng (thể hiện trong Hình 2).

(1) *Kiểu địa hình núi (gồm kiểu địa hình núi trung bình và núi thấp)*: có diện tích khoảng 51.055,9ha (chiếm 36,1% DTTN), phân bố nhiều nhất ở xã Thượng Hóa (20.290,2 ha). Dạng địa hình này khá phức tạp, bề mặt bị chia cắt mạnh tạo nên nhiều khe với độ dốc trên 20° , có độ cao trung bình từ 500 – 2000m, trong đó có đỉnh Copi cao 2017m và có thảm thực vật chủ yếu là rừng. (2) *Kiểu địa hình đồi (gồm kiểu địa hình đồi cao và đồi thấp)*: kiểu địa hình đồi ở huyện Minh Hóa có diện tích lớn nhất với khoảng 89.152ha (chiếm khoảng 63% DTTN), phân bố nhiều nhất ở xã Thượng Hóa (14.343,8 ha). Nhìn chung, địa hình đồi ở khu vực này có độ cao trung bình từ 100 đến 500m – thường nằm ở vùng giáp ranh có tính chất chuyển tiếp từ núi xuống đồng bằng; (3) *Kiểu địa hình đồng bằng*: Minh Hóa là huyện vùng núi nên kiểu địa hình đồi và kiểu địa hình núi chiếm phần lớn diện tích, kiểu địa hình đồng bằng có diện tích tương đối khiêm tốn chỉ có khoảng 1.112,1ha (chiếm khoảng 0,8% DTTN). Kiểu địa hình này có độ nghiêng nhỏ, bề mặt bằng phẳng nhất so với các dạng địa hình trên và có độ cao trung bình dưới 100 m. Kiểu địa hình này phân bố ở xã Hóa Thanh (671,7 ha), Hồng Hóa (412 ha), Trọng Hóa (27,9 ha). Phân bố ở kiểu địa hình này là các loại đất mới biến đổi chua, đất xám feralit, đất xám lùn đá. Bên cạnh đó là các thảm thực vật cây bụi, đất trồng và rừng kín thứ sinh.



Nguồn: Sơ Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình

Thu từ tỷ lệ: 1:25.000

Biên tập: Nguyễn Hoàng Duyên_K29

Hình 2. Các kiểu địa hình phân bố ở huyện Minh Hóa tỉnh Quảng Bình

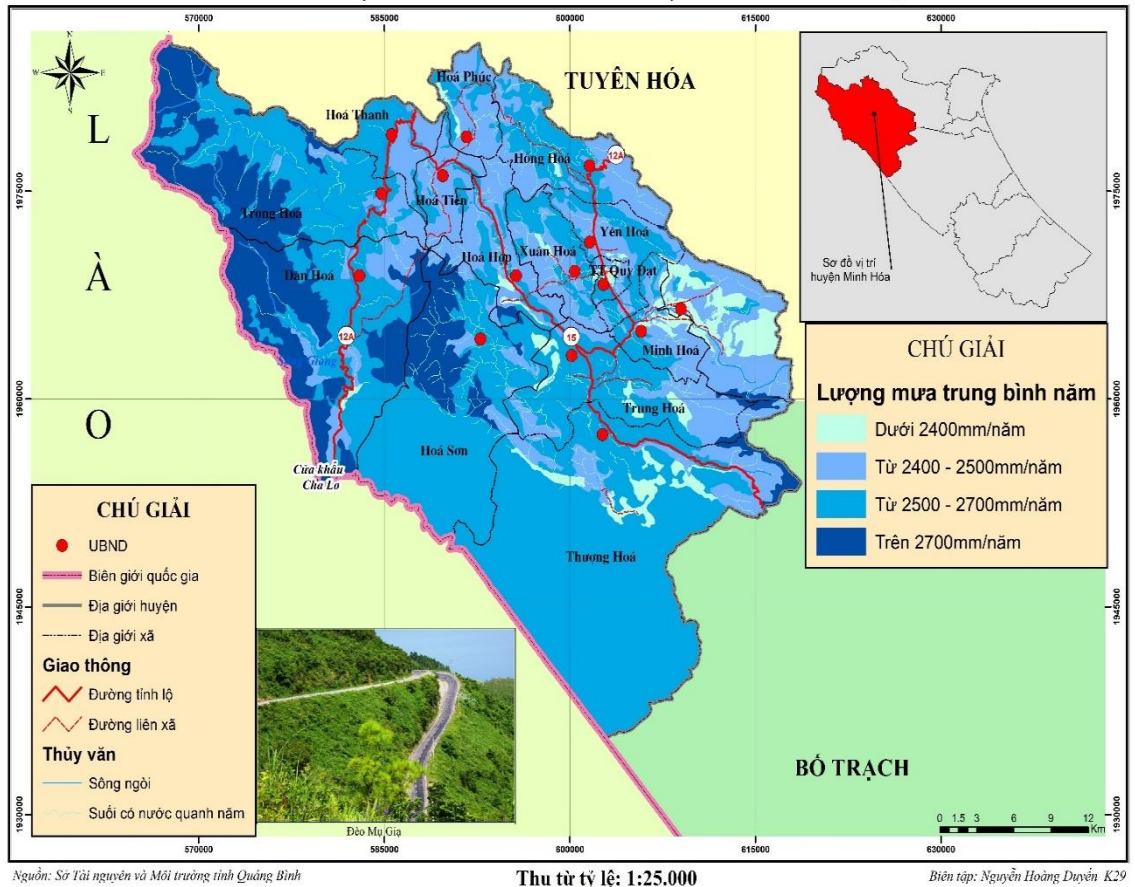
Sự phân hóa của địa hình dẫn đến sự phân hóa khí hậu, thổ nhưỡng, thảm thực vật và các thành phần tự nhiên khác. Đặc điểm địa hình đã tạo nên sự đa dạng CQ của huyện Minh Hóa, trực tiếp ảnh hưởng đến khí hậu, đất, sinh vật, sự hình thành các điểm quần cư, mạng lưới giao thông, cơ sở hạ tầng,... Vì vậy, khi khai thác và sử dụng tài nguyên cần tính toán cho phù hợp với các kiểu địa hình khác trong khu vực, nhằm đảm bảo môi trường sinh thái, khai thác hiệu quả, bền vững các nguồn tài nguyên.

2.3.4. Khí hậu - Nhân tố thành tạo nền tảng nhiệt ẩm trong cảnh quan

Khí hậu là một trong những nhân tố quyết định bộ mặt của cảnh quan tự nhiên. Cùng với địa hình, khí hậu có tác động đến sự hình thành lớp phủ thổ nhưỡng, thực vật, sự sống và cư trú của các loại động vật và đến chế độ thủy văn [12].

Nét nổi bật của khí hậu huyện Minh Hóa là mang sắc thái nhiệt đới gió mùa, chịu tác động của khối không khí phía Bắc vào mùa Đông, gió mùa Đông Nam và gió Tây vào mùa hạ. Nhiệt độ trung bình năm khoảng 20°C, lượng mưa trung bình năm trên 2.100 mm (miền núi có nơi lượng mưa đạt từ 2.500 – 3.000 mm/năm) [11] và được phân thành 2 mùa tương đối rõ rệt là mùa mưa và mùa ít mưa. Mùa mưa từ tháng IX – III năm sau, nhiệt độ trung bình từ 18 – 20°C, nhiệt độ thấp nhất vào tháng I khoảng 16°C [11]. Lượng mưa tập chung nhiều nhất vào tháng VIII, IX, X chiếm khoảng 70 – 80% tổng lượng mưa năm. Do chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc kết hợp với các nhiễu động không khí gây ra mưa bão, áp thấp nhiệt đới, dãy hội tụ nhiệt đới,... dẫn đến hiện tượng trượt lở ở miền núi và lũ lụt ở đồng bằng gây nhiều thiệt hại cho người dân. Mùa ít mưa kéo dài từ tháng IV – VIII, nhiệt độ trung bình năm khoảng 26°C [11], tháng

nóng nhất có thể lên đến 39°C do ảnh hưởng của gió Tây [11]. Lượng mưa trung bình chỉ chiếm khoảng 20 – 30% tổng lượng mưa năm, ngoài ra có thể xuất hiện lũ tiêu mẫn vào tháng 5.



Hình 3. Bản đồ lượng mưa trung bình năm huyện Minh Hóa tỉnh Quảng Bình

Sự phân mùa của khí hậu quy định tính mùa vụ trong sản xuất và phát triển kinh tế nói chung, nông, lâm nghiệp và trong tiêu thụ sản phẩm nói riêng. Tính mùa vụ là cơ sở quan trọng để xây dựng cơ cấu nông, lâm nghiệp hợp lý, xác định cơ cấu cây trồng, thời vụ, khả năng xen canh, tăng vụ và hiệu quả sản xuất nông, lâm nghiệp huyện Minh Hóa.

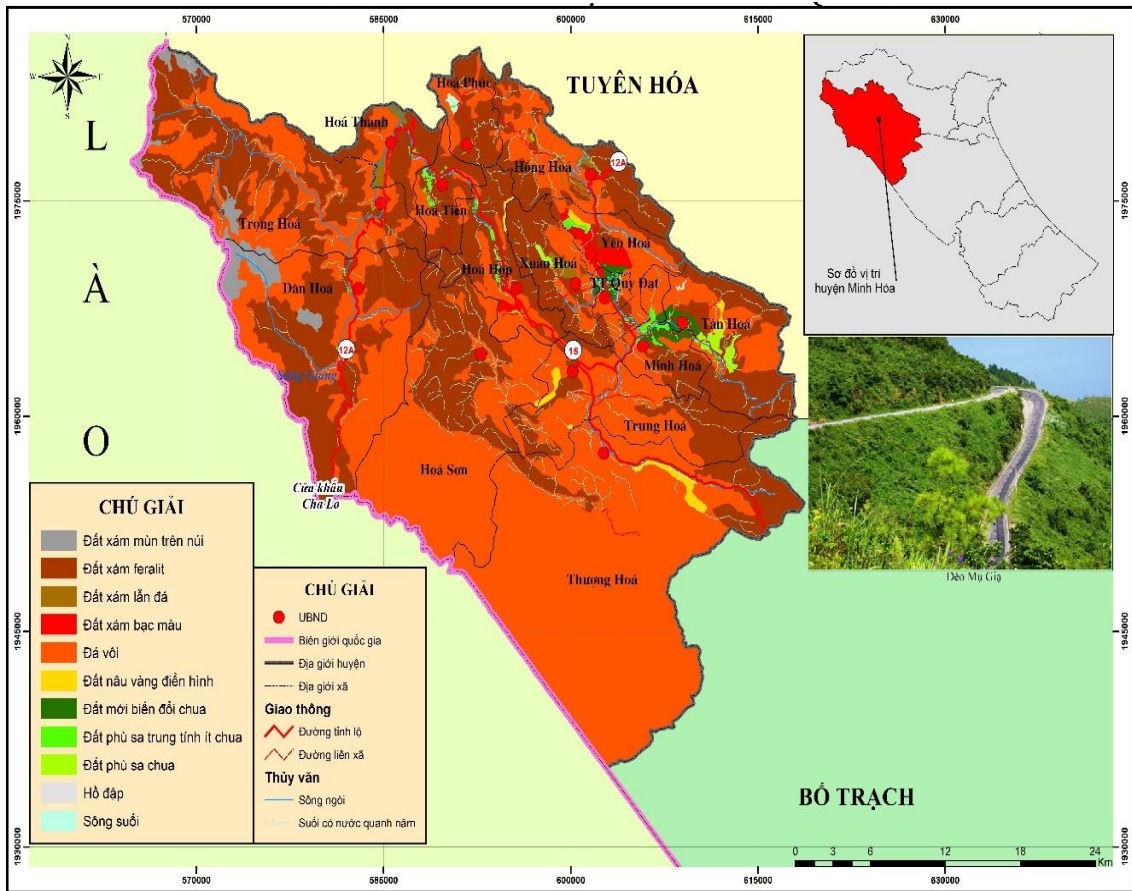
2.3.5. Thủy văn - Nhân tố thành tạo nền tảng ẩm trong cảnh quan

Hệ thống sông suối đóng vai trò quan trọng trong việc luân chuyển vật chất để hình thành các kiểu địa hình ở dưới thấp, đặc biệt là kiểu địa hình đồng bằng tích tụ ở hạ lưu. Hệ thống sông suối trong khu vực nghiên cứu khá phát triển. Mật độ sông suối đạt khoảng 0,6 – 1,85 Km/Km². Trong khu vực nghiên cứu có các sông suối chính như: sông Nan dài 19,4 km; sông Nậm Anh dài 15,5 km, sông Giang dài 37,3 km, sông Rau Cái dài 28,4 km, sông Rào Cái dài 22,6 km,... Nhìn chung, các sông suối trong khu vực nghiên cứu có đặc điểm là: nhỏ, hẹp, ngắn, dốc, có nhiều ghềnh thác, sườn dốc khá đứng nên khả năng giữ nước khá hạn chế. Mùa mưa có lượng mưa lớn kết hợp với địa hình dốc nên khi mưa dòng chảy tập chung nhanh, cường độ nước chảy rất mạnh, mực nước sông suối dâng cao nhanh gây lũ lớn và trượt lở ở các địa hình dốc và ngập lụt ở hạ lưu, ảnh hưởng đến sản xuất các ngành kinh tế, giao thông. Vào mùa khô lượng mưa ít, mực nước ở các sông suối thấp gây ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống sinh hoạt và sản xuất của người dân.

Đòng chảy thủy văn góp phần làm thay đổi CQ, xâm nhập vào các thành phần khác của tự nhiên và môi trường tạo nên sự phong phú của các thảm thực vật và một số tài nguyên khác liên quan tới nguồn nước. Ngoài ra, thủy văn huyện Minh Hóa có ý nghĩa quan trọng trong các CQ nhân sinh, các hoạt động sản xuất kinh tế như sản xuất nông nghiệp thông qua việc cung cấp nguồn nước. Vì vậy, chúng ta cần xác định cơ cấu giống cây trồng, tính mùa vụ của nó để phù hợp lượng nước của từng mùa, góp phần nâng cao năng suất cây trồng tại khu vực nghiên cứu.

2.3.6. Thổ nhưỡng - Nhân tố thành tạo nền tảng dinh dưỡng trong cảnh quan

Thổ nhưỡng được hình thành bởi sự tác động của các hợp phần tự nhiên như đá mẹ, địa hình, khí hậu, sinh vật, yếu tố thời gian đã tạo nên lớp phủ thổ nhưỡng của huyện Minh Hóa khá đa dạng và phức tạp, với nhiều loại đất điển hình mang những đặc điểm chung của hoàn cảnh địa lý tự nhiên của khu vực nghiên cứu: nhiệt đới ẩm gió mùa với quá trình hình thành đất feralit là chủ yếu (Hình 4).



Nguồn: Sơ Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình

Thu từ tỷ lệ: 1:25.000

Biên tập: Nguyễn Hoàng Duyên_K29

Hình 4. Bản đồ thổ nhưỡng huyện Minh Hóa tỉnh Quảng Bình

Đất xám feralit (Xf): có diện tích 53.807,9ha (chiếm khoảng 38% DTTN). Phân bố khắp nơi trên địa bàn của huyện Minh Hóa, nhiều nhất là ở các xã Trọng Hóa (9.685,8ha), Dân Hóa (8.810,7ha), Hóa Sơn (5.559,8ha) trên những địa hình đồi và núi thấp có độ dốc trung bình 15 – 21°; **Đất xám lẫn đá (Xd):** có diện tích khoảng 1.244,3ha (chiếm khoảng 0,9% DTTN). Phân bố nhiều nhất ở các xã Hóa Thanh (521,3ha), Hồng Hóa (433ha), Xuân Hóa (260,5ha) trên địa hình đồng bằng, địa hình đồi có độ dốc khoảng 12 đến 21°; **Đất xám mùn trên núi (Xn):** có diện tích khoảng 2.201,1ha (chiếm khoảng 1,6% DTTN). Loại đất này phân bố nhiều nhất ở hai xã Dân Hóa (1.183,2ha) và Trọng Hóa (1.017,9ha) trên địa hình núi, nhiều nhất là kiểu địa hình núi

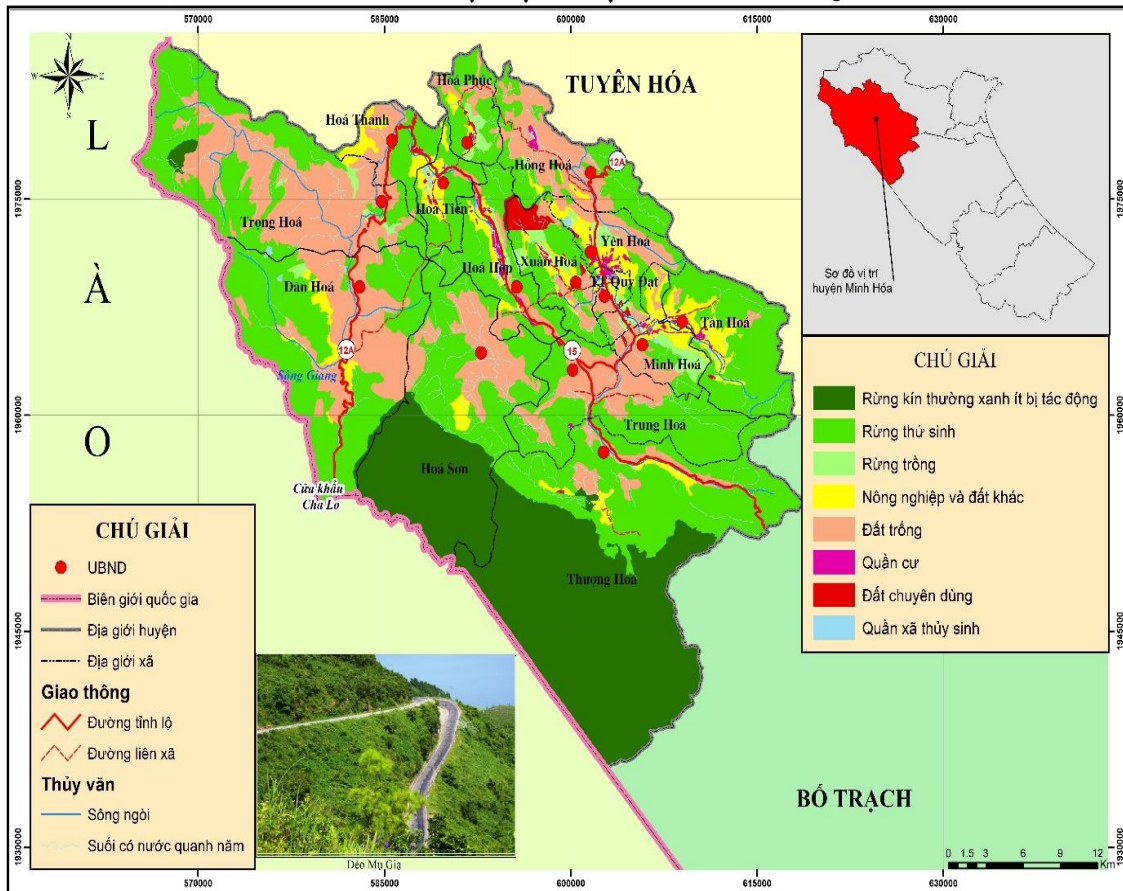
trung bình có độ dốc từ 21 – 24⁰; *Đất xám bạc màu (B)*: có diện tích khoảng 808,1ha (chiếm khoảng 0,6% DTTN). Đất xám bạc màu phân bố chủ yếu trên địa bàn các xã Yên Hóa (546,5ha), Hóa Hợp (189ha) trên kiểu địa hình đồi cao là chủ yếu có độ dốc trung bình khoảng 6 – 9⁰; *Đất phù sa chua (Pc)*: có diện tích khoảng 456ha (chiếm khoảng 0,3% DTTN). Phân bố nhiều nhất ở xã Tân Hóa (375,5ha) và xã Xuân Hóa (79,6ha) trên kiểu địa hình đồi thấp có độ dốc trung bình khoảng dưới 12⁰; *Đất phù sa trung tính ít chua (P)*: có diện tích khoảng 884,1ha (chiếm khoảng 0,6% DTTN). Phân bố rải rác hầu hết trên địa bàn khu nghiên cứu nhưng tập chung nhiều nhất ở các xã Yên Hóa (106,7ha), thị trấn Quy Đạt (102,1ha), Minh Hóa (209,6 ha) trên kiểu địa hình đồi thấp có độ dốc trung bình dưới 10⁰ là phân lớn; *Đất nâu vàng điển hình (Fp)*: có diện tích khoảng 821,5ha (chiếm gần 0,6% DTTN). Phân bố nhiều nhất trên địa bàn các xã Thượng Hóa (425,2ha), Trung Hóa (158,4ha), Tân Hóa (95,4ha) trên kiểu địa hình đồi có độ dốc trung bình từ 10 – 15⁰; *Đất mới biến đổi chua (Mc)*: có diện tích khoảng 1.235,9ha (chiếm khoảng 0,9% DTTN). Phân bố nhiều nhất trên địa bàn thị trấn Quy Đạt (438,8ha), xã Minh Hóa (376,8ha), xã Tân Hóa (322,8ha) trên kiểu địa hình đồi thấp có độ dốc trung bình dưới 5⁰; *Đá vôi (đv)*: có diện tích khoảng 79.753,1ha (chiếm 56% DTTN). Phân bố khắp nơi trên địa bàn khu vực nghiên cứu và tập chung nhiều nhất trên địa bàn các xã biên giới như Thượng Hóa (30.589,7ha), Hóa Sơn (12.454,7ha), Dân Hóa (7.683,8ha) trên các kiểu địa hình đồi thấp, kiểu địa hình đồi cao, kiểu địa hình núi thấp có độ dốc trung bình tương đối lớn (trên 13⁰).

Thổ nhưỡng của huyện Minh Hóa khá tốt, tương đối phù hợp với nhiều loại cây trồng nông nghiệp và ngành sản xuất lâm nghiệp,... Tuy nhiên, nguồn tài nguyên đất của huyện còn hạn chế như diện tích đất trống tương đối lớn, địa hình có độ dốc lớn nên đất đai dễ bị rửa trôi, xói mòn,... quá trình canh tác làm đất bị bạc màu trở nên nghèo chất dinh dưỡng, quá trình du canh, du cư mất diện tích rừng phòng hộ, dân số tăng nhanh,... là những vấn đề đặt ra cần được giải quyết. Vì vậy, cần có những định hướng hợp lí trong tổ chức không gian phát triển KT – XH của huyện, đặc biệt là định hướng không gian phát triển nông, lâm nghiệp huyện Minh Hóa theo hướng bền vững.

2.3.7. Thảm thực vật - Nhân tố chỉ thị cảnh quan

Huyện Minh nằm trong khu vực có lượng mưa lớn, lượng mưa trung bình năm đạt trên 2.100mm (vùng núi có nơi đạt 3.000mm/năm) [11], đây là điều kiện quan trọng giúp thực vật trong khu vực sinh trưởng và phát triển tốt, tạo năng suất sinh học cao. Đồng thời, đây là nơi giao thoa của các luồng sinh vật từ phía Bắc xuống và phía Nam lên, từ phía Tây sang nên thành phần loài phong phú, đa dạng và có nhiều loài đặc hữu. Thành phần loài di cư từ phương Bắc xuống như Dẻ rụng lá, họ Chè, Mộc Lan trong đai rừng á nhiệt đới trên núi. Đại diện cho luồng di cư từ phương Nam lên là các loài Dầu (Táo, Huỷnh). Luồng di cư từ phía Tây sang (Ấn Độ - Myanmar) chiếm phần lớn diện tích các loài ở đây, điển hình là cây Săng lẻ. *Rừng kín thường xanh ít bị tác động*: có diện tích khoảng 30.813,1ha (chiếm 21,9% DTTN). Phân bố hầu hết ở các xã biên giới của huyện Minh Hóa như Thượng Hóa (21.760,2ha), Hóa Sơn (8.493,5ha), Trọng Hóa (310,2ha), Dân Hóa (249,2ha) trên các kiểu địa hình núi thấp, kiểu địa hình đồi cao, có độ dốc trung bình khoảng 23⁰, lượng mưa trung bình khoảng 2600mm/năm; *Rừng kín thứ sinh*: có diện tích lớn nhất khoảng 65.296,2ha (chiếm 46% DTTN). Phân bố khắp địa bàn khu vực nghiên cứu, tập chung nhiều nhất ở các xã Dân Hóa (10.951,9ha), Thượng Hóa (10.946,7ha), Trọng Hóa (8.892,3ha) trên các kiểu địa hình đồi thấp, đồi cao, núi thấp có độ dốc trung bình khoảng 15 - 21⁰, nơi có lượng mưa hằng năm đạt khoảng 2.500 – 2.700mm; *Rừng trồng*: có diện tích khoảng 2.251,8ha (chiếm khoảng 1,6% DTTN). Phân bố hầu hết trên địa bàn các xã của huyện Minh Hóa, tập chung nhiều nhất ở các xã Minh Hóa (522,1ha), Hóa Phúc (366,3ha), Trọng Hóa (266,8ha) trên các kiểu địa hình đồi thấp và kiểu địa hình đồi cao, có độ dốc tương đối thấp, nơi có lượng mưa trung bình hằng năm khoảng 2.500mm; *Quần xã nông nghiệp, đất khác*: có diện tích khoảng 7.865,6ha (chiếm gần 5,6% DTTN). Phân bố khắp trên địa bàn khu vực nghiên cứu, tập chung nhiều nhất ở các xã Hóa Thanh (962,9ha), Minh Hóa

(813,5ha), Hóa Tiến (650,5ha), Hóa Hợp (476,6ha) trên các kiểu địa hình đồi thấp là phần lớn và một phần nhỏ phân bố trên kiểu địa hình đồi cao, núi thấp có độ dốc bình quân tương đối nhỏ, nơi có lượng mưa trung bình hàng năm khoảng 2.400 – 2.500mm; *Đất trồng, cây bụi*: có diện tích khoảng 32.468,8ha (chiếm khoảng 23% DTTN). Phân bố khắp nơi trên địa bàn các xã của khu vực nghiên cứu, tập trung nhiều nhất ở các xã Trọng Hóa (9.196,1ha), Dân Hóa (5.712,1ha), Hóa Sơn (3.330,8ha) trên nhiều kiểu địa hình khác nhau, nhiều nhất ở kiểu địa hình đồi có độ dốc tương đối nhỏ, nơi có lượng mưa trung bình hàng năm tương đối thấp.



Nguồn: Sơ Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình

Thu từ tỷ lệ: 1:25.000

Biên tập: Nguyễn Hoàng Duyên_K29

Hình 5. Bản đồ thảm thực vật huyện Minh Hóa tỉnh Quảng Bình

Thảm thực vật có vai trò là nhân tố thành tạo quan trọng của CQ và được xem là chỉ tiêu cơ bản khi phân chia các cấp phân vị loại CQ của huyện Minh Hóa. Thảm thực vật kết hợp với các loại thổ nhưỡng là cơ sở để xác định ranh giới cấp phân vị loại CQ ở khu vực nghiên cứu. Cho nên sự phong phú và đa dạng của thảm thực vật ở huyện Minh Hóa đã ảnh hưởng trực tiếp đến sự phân hóa đa dạng CQ ở khu vực nghiên cứu.

2.3.8. Hoạt động nhân sinh

Dân số khu vực nghiên cứu cuối năm 2018 là 51.060 người, mật độ dân số khoảng 37 người/km². Trong đó có 9.059 nhân khẩu là đồng bào dân tộc thiểu số [11]. Dân cư huyện Minh Hóa sống tập trung ở hạ lưu các dòng sông, ở các đồi, đồng bằng có địa hình bằng phẳng và chủ yếu ở các vùng có khả năng canh tác nông nghiệp. Tập quán sinh sống của đồng bào các dân tộc ở huyện Minh Hóa chủ yếu là khai phá rừng làm nương rẫy, khai thác lợi thế về lâm nghiệp, đất đai. Nông nghiệp là ngành kinh tế chủ đạo của, chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu kinh tế của huyện. Hoạt động kinh tế đã tác động mạnh đến các hợp phần tự nhiên thành tạo cảnh quan theo

hướng tích cực và tiêu cực. Tác động tích cực bao gồm: hoạt động bảo vệ và bảo tồn rừng; trồng rừng; xây dựng và cải tạo quần cư nông thôn; phát triển, tôn tạo cảnh quan, canh tác nông nghiệp hợp lý trên đất dốc. Ngược lại, khai thác rừng và chuyển đổi mục đích sử dụng đất không hợp lý đã tác động tiêu cực, tác động mạnh mẽ đến sự hình thành cảnh quan ở nhiều nơi trên lãnh thổ. Hoạt động của con người đã làm biến đổi tự nhiên một cách sâu sắc, cảnh quan tự nhiên được thay thế bởi các cảnh quan đồng lúa, hoa màu, cây công nghiệp, rừng trồng, khu dân cư... Đây chính là nguyên nhân góp phần tạo nên sự phân hóa đa dạng cảnh quan, hình thành những kiểu cảnh quan chịu tác động mạnh mẽ của con người.

3. Kết luận

Ở khu vực nghiên cứu chịu sự chi phối của quy luật địa đới và phi địa đới nên điều kiện tự nhiên khá phức tạp. Điều này thể hiện rất rõ ở sự đa dạng của nền địa chất, điều kiện địa hình, khí hậu, thủy văn, thổ nhưỡng, thực vật... Chính sự hình thành, phát triển và sự tác động qua lại của các nhân tố này đã tạo nên sự khác biệt về tự nhiên giữa các khu vực cũng như sự khác biệt giữa các đơn vị lãnh thổ cảnh quan.

Tính đặc thù trong phân hóa cảnh quan khu vực nghiên cứu được thể hiện rõ trong sự phân bố có quy luật của các yếu tố thành tạo theo đai cao rõ nét. Ngoài ra, cùng với sự phân hóa song hành của cảnh quan văn hóa nương rẫy, khai thác lợi thế về lâm nghiệp; đặc trưng cảnh quan khu vực miền núi nơi đây thể hiện tính dễ bị tổn thương trong quá trình sản xuất và sinh hoạt.

Quá trình phân tích đặc điểm các nhân tố thành tạo CQ khu vực nghiên cứu cung cấp cái nhìn tổng quát về quy luật phân bố tự nhiên của lãnh thổ, là cơ sở quan trọng để xây dựng hệ thống phân loại cảnh quan và bản đồ cảnh quan lãnh thổ. Ngoài ra, phương thức này còn cho phép xây dựng căn cứ khoa học có tính ứng dụng cao trong định hướng khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và an ninh quốc phòng tại huyện Minh Hóa tỉnh Quảng Bình.

***Ghi chú:** Bài báo được hoàn thành trong khuôn khổ Đề tài luận văn Thạc sĩ “*Đánh giá cảnh quan phục vụ phát triển nông, lâm nghiệp huyện Minh Hóa tỉnh Quảng Bình*” đang thực hiện tại khoa Địa lý, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Dokutraev V.V., 1949. “On the Teaching of Natural Zones”, *Selected Works*, pp. 317-318.
- [2] Berg L.S., 1931. *The Geographical Landscape Zones of the USSR*, Vol. 1. Moscow, Leningrad. 401 pages.
- [3] Vũ Tự Lập, 1976. *Cảnh quan địa lý miền Bắc Việt Nam*. Nxb Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
- [4] Phạm Hoàng Hải, Nguyễn Thượng Hùng, Nguyễn Ngọc Khánh, 1997. *Cơ sở cảnh quan học của việc sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường lãnh thổ Việt Nam*. Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [5] Phạm Hoàng Hải, 2014. *Nghiên cứu đánh giá tổng hợp nguồn lực tự nhiên, biến động sử dụng tài nguyên và xác lập các mô hình kinh tế - sinh thái bền vững cho một số vùng địa lý trọng điểm khu vực Tây Nguyên đến năm 2020*. Đề tài trọng điểm Quốc gia, Viện Địa lý - Viện Hàn lâm Khoa học Công nghệ Việt Nam, Hà Nội.
- [6] Nguyễn Cao Hoàn, 2005. *Đánh giá cảnh quan (theo tiếp cận kinh tế sinh thái)*. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [7] Phạm Anh Tuấn, 2014. “Đánh giá thích nghi sinh thái đối với cây chè ở lưu vực Thủy điện Nậm Mực trên cơ sở ứng dụng hệ thống thông tin địa lý”. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*, trang (171-178).

- [8] Phạm Anh Tuấn, 2016. “Đặc điểm các đơn vị phân loại cảnh quan lãnh thổ tỉnh Sơn La”. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*, số 61, trang (148-154).
- [9] Phan Hoàng Linh, 2016. *Xây dựng hệ thống phân loại trong việc thành lập bản đồ cảnh quan hai huyện biên giới Việt – Lào thuộc tỉnh Kon Tum (tỉ lệ: 1:50.000)*. Kỷ yếu hội nghị khoa học Địa lí toàn quốc lần 9, trang (439 – 446).
- [10] Antrop, M., 2004. “Landscape change and the urbanization process in Europe”. *Landscape and Urban Planning* 67, pp. 9-26.
- [11] Chi cục Thống kê huyện Minh Hóa năm 2019. *Niên giám thống kê năm 2018*. Quảng Bình.
- [12] Đặng Duy Lợi, Nguyễn Thị Kim Chương, Đặng Văn Hương, Nguyễn Thục Nhu, 2016. *Giáo trình Địa lí tự nhiên Việt Nam 1*. Nxb Đại học Sư phạm.

ABSTRACT

Characteristics of the factors forming the landscape in Minh Hoa district of Quang Binh province

Nguyen Hoang Duyen¹, Do Van Thanh¹, Phan Hoang Linh², Tran Hoang Khiem¹

¹ *Department of Geography, Hanoi National University of Education*

² *School of Education, Can Tho University*

This paper presents districts in Minh Hoa district of Quang Binh province. Minh Hoa district has profound differentiation factors such formations geological landscape, topography, climate, soil, vegetation, human activities in the territory... Theoretically, these research outcomes would serve as a helpful basis for setting up landscape classification system, making landscape map, further researches with purposes of natural resources exploitation, socio-economic sustainable development and environmental protection in the regions.

Keywords: landscape, landscape factors, diversity.